

Số: 2164 /NĐND-KHĐTVT

Lạng Sơn, ngày 16 tháng 9 năm 2025

V/v Mời báo giá lập DT và KHLCNCC
Đơn hàng: Cung cấp thiết bị, dụng cụ và hoá chất
dùng cho phòng thí nghiệm, phân tích nước lò và
quan trắc nước thải phục vụ sửa chữa thường
xuyên năm 2026

Kính gửi: Các nhà cung cấp có quan tâm

Trước tiên, Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV xin gửi lời chào trân trọng và cảm ơn sự hợp tác tới Quý đơn vị trong thời gian vừa qua.

Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV kính mời Quý đơn vị tham gia báo giá lập dự toán mua sắm vật tư, hàng hoá với các yêu cầu như sau:

I. Yêu cầu đối với vật tư, hàng hoá:

1. Danh mục; đặc tính, thông số kỹ thuật; số lượng vật tư, hàng hoá:
chi tiết theo Danh mục vật tư, hàng hoá đề nghị báo giá đính kèm.

2. Yêu cầu về tính hợp lệ; đặc tính, thông số kỹ thuật của vật tư, hàng hoá:

- Vật tư, hàng hoá báo giá phải có đầy đủ thông tin của vật tư, hàng hoá, bao gồm: tên vật tư, hàng hoá; ký mã hiệu; quy cách, đặc tính, thông số kỹ thuật; đơn vị tính; số lượng; nhà sản xuất và xuất xứ của vật tư, hàng hoá; thời gian bảo hành; địa điểm và tiến độ giao hàng;

- Nhà cung cấp có thể báo giá một phần hoặc toàn bộ khối lượng theo yêu cầu của văn bản mời báo giá;

II. Yêu cầu đối với báo giá:

1. Yêu cầu về tính hợp lệ của báo giá:

Báo giá của Quý đơn vị được đánh giá là hợp lệ khi có đủ các thông tin, tài liệu và đáp ứng các yêu cầu sau:

- Bản chào giá do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký thay phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của nhà cung cấp (*kèm theo giấy uỷ quyền, quyết định giao nhiệm vụ hoặc văn bản tương đương khác*).

- Cung cấp kèm theo báo giá 01 bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy phép kinh doanh đối với các vật tư kinh doanh có điều kiện (nếu có);

- Báo giá phải có hiệu lực tối thiểu 60 ngày kể từ ngày hết hạn nộp báo giá theo quy định của văn bản mời báo giá.

2. Yêu cầu về các điều khoản thương mại:

- Đơn giá, tổng giá trị phải được chào bằng VNĐ và được hiểu là giá giao



tại kho bên mua đã bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) theo quy định của Nhà nước (*thể hiện rõ thuế suất thuế GTGT cho vật tư, hàng hoá báo giá*);

- Địa điểm giao hàng: kho vật tư của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV tại khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn;

III. Thời gian và địa chỉ nhận báo giá:

- Thời gian nhận báo giá: trước 10 giờ 30 phút ngày 29 tháng 9 năm 2025.

- Địa chỉ nhận báo giá: Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (*Địa chỉ: Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn; Điện thoại: 02053.844.263; Fax: 02053.844.132; E-mail: naduong@vinacominpower.vn và E-mail: naduongtpc@gmail.com*).

(*Đối với các hồ sơ báo giá được gửi thông qua fax và e-mail thì đề nghị Quý đơn vị cung cấp bản gốc hồ sơ báo giá cho chúng tôi qua dịch vụ chuyển phát hoặc nộp trực tiếp theo địa chỉ nêu trên*).

* *Trường hợp trong báo giá của các nhà cung cấp thiếu các thông tin (hoặc thông tin cung cấp không rõ ràng) theo yêu cầu tại mục I và mục II của văn bản này, để có cơ sở xem xét báo giá của các nhà cung cấp, Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV có thể yêu cầu các nhà cung cấp làm rõ, bổ sung các thông tin cần thiết.*

Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV rất mong nhận được sự hợp tác và hỗ trợ từ Quý đơn vị.

Trân trọng. 

Nơi nhận: 

- Website TKV: vinacomin.vn (để đăng tải);
- Website ĐLTKV: dienluctkv.vn (để đăng tải);
- Giám đốc (e-copy, để b/c);
- Các PGĐ, KTT (e-copy, để ph/h);
- Tổ tư vấn (e-copy, để t/h);
- Lưu: TCHC, KHĐTVT, NQ.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Việt Anh

2970
CÔNG
NHIỆT
DƯƠNG
HÀNH TỐ
HIỆN L
CT
BÌNH

34.00
TY
HIỆN
G-TK
G.CÔNG
C.TKV
CP
T.L.AN

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
		Dung tích: 500ml/ chai Nhà sản xuất: NSI - Mỹ				dùng ≥ 06 tháng					
7	Dung dịch pH10	Mã: QCI-112-10, Dung tích: 500ml/ chai Nhà sản xuất: NSI - Mỹ	Lít	2		Hạn sử dụng ≥ 06 tháng					
8	Axit Oxalic	Công thức hóa học: H2C2O4.2H2O Mã: O/0600/53 Nhà sản xuất: Fisher - Mỹ	Kg	15		Hạn sử dụng ≥ 06 tháng					(*)
9	Amôn Môlipđap	Công thức hóa học : (NH4)6Mo7O24.4H2O Mã A/5720/50 Nhà sản xuất: Fisher - Mỹ	Kg	15		Hạn sử dụng ≥ 06 tháng					(*)
10	Acid clohydric	Công thức hóa học : HCL 37% Mã 100317 1000 Quy cách:1 lít/chai Nhà sản xuất: Merck - Đức	Lít	20		Hạn sử dụng ≥ 06 tháng					(*)
11	Netsle-Nessler's Regant for	Công thức hóa học : K2HgI4 Mã 1090280500	Lít	10		Hạn sử dụng ≥					(*)

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
	Ammonium Salts	Quy cách: 500ml/chai Nhà sản xuất: Merck - Đức				06 tháng					
12	Axit Sunfuric	Công thức hóa học : H ₂ SO ₄ 98% Mã 10073 11000 Quy cách: 1 lít/chai Nhà sản xuất: Merck - Đức	Lít	12		Hạn sử dụng ≥ 06 tháng					(*)
13	Paradimetylamin benzandehyt	Công thức hóa học C ₉ H ₁₁ NO Mã 1030581000 Quy cách: 1kg/chai Nhà sản xuất: Merck - Đức	Kg	1		Hạn sử dụng ≥ 06 tháng					(*)
14	Natrihydro Sunfit	Công thức hóa học NaHSO ₃ 39% Mã 80635 61000 Quy cách: 1 lít/chai Nhà sản xuất: Merck - Đức	lít	20		Hạn sử dụng ≥ 06 tháng					(*)
15	Disodium hydrogen phosphate dodecahydrate	Công thức hóa học (Na ₂ HPO ₄ . 12H ₂ O) Mã: 10039-32-4; Quy cách: 500g/lọ	Kg	120		Hạn sử dụng ≥ 06 tháng					(*)

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
		Nhãn hiệu: Xilong									
16	Kali clo rửa tinh thể	mã 1049361000 Nhà sản xuất: Merck - Đức	kg	1		Hạn sử dụng ≥ 06 tháng					(*)
17	Chất chuẩn độ dẫn	Mã HI7031L1413 Nhà sản xuất: Hanna - Ý	lit	5		Hạn sử dụng ≥ 06 tháng					(*)
18	Dung dịch làm đầy điện cực Clo	Mã Rosemount Amperometric Sensor Fill Solution #4, PN 9210356 Dung tích: 125ml/Chai Nhà sản xuất: Rosemount/ EU	chai	2		Hạn sử dụng ≥ 06 tháng					(*)
19	Dung dịch làm đầy điện cực pH	Mã Rosemount 3200HP Electrolyte Refill PN 9210391 Dung tích: 500ml/Chai Nhà sản xuất: Rosemount/ EU	chai	2		Hạn sử dụng ≥ 06 tháng					(*)
	Hóa chất Phân tích tự động nước lò										

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
18	Dung dịch Axit Xitric - chất 5500sc, Silica	Mã 6774902 Dung tích: 2 lít/chai Nhà sản xuất: Hach - Mỹ	Chai	15		Hạn sử dụng ≥ 06 tháng					(*)
19	5500sc Thuốc thử 1 Silica	Mã : 6774802 Dung tích: 2 lít/chai Nhà sản xuất: Hach - Mỹ	Chai	15		Hạn sử dụng ≥ 06 tháng					(*)
20	Dung dịch tiêu chuẩn 5500sc Silica 0.5mg/l	Mã : 6775002 Dung tích: 2 lít/chai Nhà sản xuất: Hach - Mỹ	Chai	7		Hạn sử dụng ≥ 06 tháng					(*)
21	Thuốc thử 5500sc 3 silica	Mã : 6775102, Dung tích: 2 lít/chai Nhà sản xuất: Hach - Mỹ	Chai	15		Hạn sử dụng ≥ 06 tháng					(*)
23	Thuốc thử clo HI 93701 (100 gói/hộp)	mã HI 93701 Nhà sản xuất: Hanna - Ý	Hộp	5		Hạn sử dụng ≥ 06 tháng					(*)
	Hóa chất quan trắc nước thải										
24	Dung dịch chuẩn COD	Nồng độ 50mg/l	Chai	5		Hạn sử					(*)

NG T
T Đ
ÔNG
ÔNG
LỰC
TCP
T.T.V

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
		Nhà sản xuất: NSI - Mỹ									
29	Dung dịch chuẩn TSS	Nồng độ 150mg/l Mã: Q-11356-I-150 Dung tích: 500ml/ chai Nhà sản xuất: NSI - Mỹ	Chai	5		Hạn sử dụng ≥ 06 tháng					(*)
30	Dung dịch chuẩn PH4	Mã: QCI-112-4, Dung tích: 500ml/ chai Nhà sản xuất: NSI - Mỹ	Chai	5		Hạn sử dụng ≥ 06 tháng					(*)
31	Dung dịch chuẩn PH7	Mã: QCI-112-7, Dung tích: 500ml/ chai Nhà sản xuất: NSI - Mỹ	Chai	5		Hạn sử dụng ≥ 06 tháng					(*)
32	Dung dịch chuẩn PH10	Mã: QCI-112-10, Dung tích: 500ml/ chai Nhà sản xuất: NSI - Mỹ	Chai	5		Hạn sử dụng ≥ 06 tháng					(*)
33	Dung dịch chuẩn NH4	Mã: Q-11359-I-2.5, Dung tích: 500ml/ chai Nhà sản xuất: NSI - Mỹ	Chai	5		Hạn sử dụng ≥ 06 tháng					(*)
34	Dung dịch chuẩn NH4	Mã: Q-11359-I-5,	Chai	5		Hạn sử					(*)

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
		Dung tích: 500ml/ chai Nhà sản xuất: NSI - Mỹ				dùng ≥ 06 tháng					
35	Dung dịch chuẩn NH4	Mã: Q-11359-I-15, Dung tích: 500ml/ chai Nhà sản xuất: NSI - Mỹ	Chai	5		Hạn sử dụng ≥ 06 tháng					(*)
36	Bơm hoá chất bằng tay	model DP-25 Nhà sản xuất: Hansung/Hàn Quốc	Cái	1		≥ 12 tháng					(*)
37	Chén nung bằng sứ	Dung tích: 30ml bao gồm chén và nắp Vật liệu : Sứ dùng cho lò nung chịu nhiệt độ cao Nhà sản xuất: Bomex/ TQ	Cái	100		≥ 12 tháng					(*)
38	Cuvet thạch anh	Kích thước:10x10x50mm dùng cho máy quang phổ UVVIS T80 Nhà sản xuất: Bomex/ TQ	Đôi	1		≥ 12 tháng					(*)
39	Dây đánh lửa Ni-Cr cho bom nhiệt lượng loại HEAT WIRE	Mã hiệu: 840 DD2 (Heat Wire 60"L) Nhà sản xuất: Parr/ USA	Túi	6		≥ 12 tháng					(*)

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiền độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
	60''L (2.0'' PER USE) Quantity 1B PARR USA Product										
40	Máy đo CLo	HI 96701 (dải đo 0.00÷5.00mg/l) Nhà sản xuất: Hanna	Cái	1		≥ 12 tháng					(*)
41	Dây môi đốt bom nhiệt lượng loại IGNITION THREAD, 4'' 10g/1K PCS PARR USA Product	Mã hiệu: 845 DD Nhà sản xuất: Parr/ USA	Túi	6		≥ 12 tháng					(*)
42	Đèn D2	Mã hiệu: D2 dùng cho máy quang phổ UVVIS T80 Nhà sản xuất: Hama matsu	Cái	1		≥ 12 tháng					(*)
43	Đèn W- Lamp 12V-35W	Mã hiệu: W- Lamp 12V-35W dùng cho máy quang phổ UVVIS T80 Nhà sản xuất: Osram	Cái	5		≥ 12 tháng					(*)
44	Máy đo độ đục cầm	HI 98703	Cái	1		≥ 12					(*)

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
	tay kèm cuvet	Nhà sản xuất: Hanna				tháng					
45	Máy đo pH kèm điện cực HI 1217	HI 8314 Nhà sản xuất: Hanna	Cái	1		≥ 12 tháng					(*)
46	Điện cực đo độ dẫn	Mã hiệu: HI 76302 Nhà sản xuất: Hanna	Cái	1		≥ 12 tháng					(*)
47	Điện cực đo pH	Mã hiệu: HI 1217D Nhà sản xuất: Hanna	Cái	2		≥ 12 tháng					(*)
48	Cân phân tích	OHAUS PA214 (độ chính xác: ±0.0001) Max Cap: 210g 8-14.5V~50/60Hz 4VA or 9.5-20V- 4W; OHAUS CORPORATION, USA	Cái	1		≥ 12 tháng					(*)
49	Cân kỹ thuật	ADP 3100L (độ chính xác: ±0.01) 10.5V- AC 0.6A MODEL: ADP 3100L Max: 3100g d= 10mg S.n AE 06674668	Cái	1		≥ 12 tháng					(*)

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
		ADAM EQUIPMENT CO. LTD									
50	Cân kỹ thuật	PG 3100g (độ chính xác: ±0.1g) METTLER TOLEDO Nhà sản xuất: Nhật Bản	Cái	1		≥ 12 tháng					(*)
	Hóa chất quan trắc nước thải										
51	Dung dịch chuẩn COD	Nồng độ 50mg/l Mã: Q-11357-I-50 Dung tích: 500ml/ chai Nhà sản xuất: NSI - Mỹ	Chai	5		Hạn sử dụng ≥ 06 tháng					(*)
52	Túi đựng mẫu than	(Túi Zipper) số 10 (24x34 cm)	kg	40		Không yêu cầu					
53	Giấy pH (50 tệp/ hộp)		Hộp	1		Không yêu cầu					
54	Tấm lưới aminang thí nghiệm chịu nhiệt	KT: 12.5 x 12.5 cm	Cái	5		Không yêu cầu					
55	Tấm lưới aminang thí nghiệm chịu nhiệt	KT: 16.0 x 16.0 cm	Cái	10		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
56	Tấm lưới aminang thí nghiệm chịu nhiệt	KT: 20.0 x 20.0 cm	Cái	10		Không yêu cầu					
57	Pin 9V (Golden Power Long Life)		Quả	120		Không yêu cầu					
58	Pin 9V (Golden Power Long Life)		Quả	120		Không yêu cầu					
59	Cảm biến nhiệt	SX2-5-12N -380V Dùng cho lò nung SX2-5-12N	Cái	1		Không yêu cầu					

*** Lưu ý:**

(1) Thông số kỹ thuật:

- Đối với các vật tư hàng hoá được đánh dấu (*) tại cột (12) trong bảng trên: Đề nghị nhà cung cấp chào đúng chủng loại vật tư, hàng hoá được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật tại cột (3) trong bảng trên và. Trường hợp vật tư, hàng hoá được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật nêu trên không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay thế bằng chủng loại khác (mã hiệu khác) thì nhà cung cấp có thể đề xuất sang vật tư, hàng hoá tương đương khác và phải cung cấp các tài liệu để chứng minh vật tư, hàng hoá được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật nêu trên không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay thế bằng chủng loại khác và vật tư, hàng hoá do nhà cung cấp đề xuất là tương đương về **“đặc tính, thông số kỹ thuật; tính năng sử dụng; tiêu chuẩn công nghệ”** với vật tư, hàng hoá được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật nêu trên. Nếu nhà cung cấp không cung cấp tài liệu theo yêu cầu nêu trên thì đơn giá do nhà cung cấp chào cho mục vật tư, hàng hoá đó sẽ không được xem xét khi lập dự toán.

- Trường hợp nhà cung cấp phát hiện thông số kỹ thuật được yêu cầu tại cột (3) trong bảng trên không chính xác, đề nghị nhà cung cấp chuẩn xác lại giúp thông số kỹ thuật và cung cấp các tài liệu để chứng minh thông số kỹ thuật do nhà cung cấp điều chỉnh lại là chính xác.

(2) *Tiến độ giao hàng*: Đề nghị nhà cung cấp chào tiến độ giao hàng là số ngày kể từ ngày nhận được thông báo cấp hàng;

(3) *Thời gian bảo hành*: Thời gian bảo hành tại cột (7) trong bảng trên là thời gian bảo hành được yêu cầu, đề nghị nhà cung cấp chào thời gian bảo hành là số tháng kể từ ngày kiểm nghiệm vật tư, hàng hoá (*đơn giá của vật tư, hàng hoá do nhà cung cấp chào chỉ được xem xét nếu có thời gian bảo hành đáp ứng yêu cầu tại cột (7) trong bảng trên*).